

Số: 795/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá nước sạch sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp cung cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1855/TTr-SXD ngày 05 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá nước sạch sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp cung cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1. Áp dụng tại khu vực đô thị:

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ dân cư là hộ nghèo		
a	Sử dụng không quá 08 m ³ /hộ/tháng	đồng/m ³	5.000
b	Sử dụng nước từ mét khối (m ³) thứ 09 trở lên	đồng/m ³	9.500

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch	Đơn vị tính	Mức giá
2	Hộ dân cư	đồng/m ³	9.500
3	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (<i>công lập và tư nhân</i>); phục vụ mục đích công cộng (<i>phi lợi nhuận</i>)	đồng/m ³	10.000
4	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất, kinh doanh, dịch vụ	đồng/m ³	11.500

2. Áp dụng tại khu vực nông thôn:

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ dân cư là hộ nghèo		
a	Sử dụng không quá 08 m ³ /hộ/tháng	đồng/m ³	4.500
b	Sử dụng nước từ mét khối (m ³) thứ 09 trở lên	đồng/m ³	8.500
2	Hộ dân cư	đồng/m ³	8.500
3	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (<i>công lập và tư nhân</i>); phục vụ mục đích công cộng (<i>phi lợi nhuận</i>).	đồng/m ³	10.000
4	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất, kinh doanh, dịch vụ.	đồng/m ³	11.500

3. Giá nước sạch sinh hoạt quy định tại khoản 1 và số thứ tự 3 và 4 khoản 2 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; Giá nước sạch sinh hoạt quy định tại số thứ tự 1 và 2 khoản 2 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (*không bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt*).

4. Giá bán buôn nước sạch sinh hoạt (*qua đồng hồ tổng*) sẽ do các đơn vị cấp nước tự thỏa thuận đảm bảo không cao hơn giá nước sạch sinh hoạt quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, đồng thời thông báo mức giá

tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên các phương tiện thông tin đại chúng để các đối tượng sử dụng biết, thực hiện.

3. Giám đốc Sở Xây dựng theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (thuộc địa bàn cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT/TU;
- TT/HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: CVP và các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Cổng Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, LGV.

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Diệu